

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH B**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 31/3/2021

V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH B

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hà.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Thanh Bình.

2. Bà Lê Thị Minh Khánh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Vân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh B.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B tham gia phiên tòa: Ông Đặng Văn Thìn - Kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 31/3/2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh B xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 01/2021/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 01 năm 2021 về “Tranh chấp Hôn nhân và gia đình”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2021/QĐXX-ST ngày 23/02/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 19/2021/QĐ-ST ngày 12/3/2021 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm: 1988 (vắng mặt)

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Thôn Đồng, xã Trường S, huyện Lục N, tỉnh B.

*** Bị đơn:** Chị Đặng Thị Nh, sinh năm: 1992 (vắng mặt)

Nơi ĐKKHKT: Thôn Đồng, xã Trường S, huyện Lục N, tỉnh B. (Hiện đang lao động tại nước ngoài).

Địa chỉ cuối cùng của chị Đặng Thị Nh tại Việt Nam là Thôn Đồng, xã Trường S, huyện Lục N, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện về việc xin ly hôn và bản tự khai ngày 04/01/2021, nguyên đơn là anh Nguyễn Văn Đ trình bày:

Ngày 19/7/2010 anh và chị Đặng Thị Nh kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Trường S, huyện Lục N, tỉnh B và được gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán địa phương. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc. Đến năm 2015 anh và chị Nh cùng nhau đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan, hai vợ chồng cùng nhau làm việc tại Đài Loan được 3 năm thì anh về Việt Nam còn chị Nh vẫn ở lại làm việc. Thời gian đầu khi anh về nước thì vợ chồng vẫn hòa thuận, được một thời gian sau do sống xa cách nhau lâu ngày nên hai vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn trong cuộc sống lẫn kinh tế. Vợ chồng anh chị đã sống ly thân nhau, không liên lạc gì với nhau và không ai quan tâm tới ai. Nay, anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh B giải quyết cho anh được ly hôn chị Đặng Thị Nh.

Về con chung: Anh và chị Đặng Thị Nh có 01 con chung là cháu Nguyễn Thị Ngọc H, sinh ngày 30/01/2011 hiện cháu H đang ở với anh. Ly hôn anh đề nghị được nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu chị Nh phải đóng góp phí tổn nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ: Anh chị không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, anh Đ còn trình bày: Hiện nay chị Nh vẫn ở nước ngoài, địa chỉ cụ thể của chị Nh ở nước ngoài anh không cung cấp được cho Tòa án được vì anh có hỏi địa chỉ của chị Nh nhưng chị Nh không cung địa chỉ ở nước ngoài cho anh, chị Nh vẫn liên lạc về gia đình nhưng bố mẹ đẻ chị Nh là ông Đặng Văn Sáng và bà Bàn Thị C, trú tại: Thôn Đồng Đình, xã Bình Sơn, huyện Lục N, tỉnh B cũng không cung cấp địa chỉ nên anh không biết để cung cấp cho Tòa án.

Do tính chất công việc nên anh không thể tham gia được các phiên họp kiểm tra, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, các phiên tòa xét xử vụ án tranh chấp hôn nhân gia đình giữa anh và chị Nh được, nên anh đề nghị Tòa án cho anh được vắng mặt trong các phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, các phiên tòa xét xử vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình giữa anh và chị Đặng Thị Nh.

Tại đơn trình bày cháu Nguyễn Thị Ngọc H trình bày: Cháu là con của bố Nguyễn Văn Đ và mẹ Đặng Thị Nh hiện nay cháu đang ở cùng với bố là Nguyễn Văn Đ. Nếu bố mẹ cháu ly hôn thì cháu xin được ở với bố cháu là Nguyễn Văn Đ vì bố cháu chăm sóc cháu từ khi mẹ cháu đi nước ngoài.

Bị đơn chị Đặng Thị Nh không có bản tự khai.

Ngày 07/01/2021 và ngày 29/01/2021 Tòa án nhân dân tỉnh B đã tiến hành làm việc với mẹ đẻ của chị Đặng Thị Nh là bà Bàn Thị C, sinh năm 1961; trú tại: Thôn Đồng Đình, xã Bình Sơn, huyện Lục N, tỉnh B để giao Thông báo thụ lý vụ án và yêu cầu bà C thông báo cho chị Nh biết về việc Tòa án nhân dân tỉnh B đang thụ lý vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình giữa anh Nguyễn Văn Đ và chị Đặng Thị Nh; Yêu cầu chị Nh viết bản tự khai, lời khai về cho Tòa án; yêu cầu bà C cung cấp địa chỉ cụ thể của chị Nh ở nước ngoài. Tuy nhiên, qua 2 lần làm việc bà C vẫn giữ nguyên quan điểm là chị Nh ở nước ngoài vẫn thường xuyên liên lạc về cho gia đình

nhưng bà không cung cấp địa chỉ cụ thể của chị Nhở nước ngoài cho Tòa án, vì đây là việc cá nhân của chị Nh, đồng thời bà cũng không thực hiện theo yêu cầu của Tòa án thông báo cho chị Nh biết để chị Nh gửi lời khai về. Kể từ đó đến nay, Tòa án cũng không nhận được bất kỳ lời khai nào của chị Nh gửi về.

Tại phiên tòa nguyên đơn anh Nguyễn Văn Đ vắng mặt tại phiên tòa, có đơn xin xét xử vắng mặt. Chị Đặng Thị Nh vắng mặt không có lý do.

Hội đồng xét xử công bố đơn khởi kiện, bản tự khai của anh Đ; Biên bản làm việc với mẹ đẻ của chị Nh là bà Bàn Thị C và thông qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B phát biểu về việc tuân theo pháp luật về tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án.

Về việc chấp hành pháp luật của đương sự: Đối với nguyên đơn anh Nguyễn Văn Đ có đơn xin xét xử vắng mặt thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình được quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn chị Nh không có địa chỉ cụ thể ở nước ngoài Tòa án đã niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng đối với chị Nh; Căn cứ vào quy định của pháp luật xét xử vắng mặt chị Nh là đúng.

- Về nội dung: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 51, 53, 56; Điều 81, 82, 83 và khoản 2 Điều 123 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 điều 37; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; 238; Điều 271; Điều 273; khoản 2 Điều 479 BLTTDS; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn Đ. Xử cho anh Nguyễn Văn Đ được ly hôn chị Đặng Thị Nh.

Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Thị Ngọc H, sinh ngày 30/01/2011 cho anh Nguyễn Văn Đ nuôi dưỡng, chăm sóc. Vấn đề cấp dưỡng, anh Đ không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: Anh Nguyễn Văn Đ phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên tòa. Sau khi thảo luận và nghị án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. **Về thủ tục tố tụng:** Anh Nguyễn Văn Đ là nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt anh Nguyễn Văn Đ.

Đối với bị đơn chị Đặng Thị Nh vắng mặt tại phiên tòa: Tòa án nhân dân tỉnh B đã tiến hành làm việc với mẹ đẻ của chị Nh là bà Bàn Thị C để giao thông báo thụ

lý vụ án, yêu cầu bà C thông báo cho chị Nh biết về việc Tòa án nhân dân tỉnh B đang thụ lý vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình giữa anh Nguyễn Văn Đ và chị Đặng Thị Nh, yêu cầu bà C cung cấp địa chỉ cụ thể của chị Nh ở nước ngoài. Bà Bàn Thị C trình bày: Chị Nh vẫn thường xuyên liên lạc về gia đình. Tuy nhiên, Tòa án đã yêu cầu đến lần thứ hai mà bà C vẫn không cung cấp địa chỉ, tin tức của chị Nh cho Tòa án, cũng như không chịu thực hiện yêu cầu của Tòa án thông báo cho chị Nh biết. Nhận thấy đây là trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ, từ chối khai báo, từ chối cung cấp những tài liệu cần thiết. Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng cho bị đơn theo quy định của pháp luật. Vì vậy, căn cứ vào Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao; khoản 2 điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn chị Đặng Thị Nh theo thủ tục chung.

[2]. Về thẩm quyền: Anh Nguyễn Văn Đ là nguyên đơn có đơn xin ly hôn chị Đặng Thị Nh, chị Nh hiện đang lao động tại nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ (theo Công văn số 23803/QLXNC – P5 v/v cung cấp thông tin xuất nhập cảnh ngày 18/12/2020 của Cục Quản lý xuất nhập cảnh - Bộ công an), thì chị Nh xuất nhập cảnh 05 lần, lần xuất cảnh gần đây nhất là ngày 30/11/2019 hiện chưa có thông tin nhập cảnh trở lại, địa chỉ cuối cùng của chị Nh ở Việt Nam là: Thôn Đồng, xã Trường S, huyện Lục N, tỉnh B. Như vậy, đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình có đương sự ở nước ngoài thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh B, theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Về quan hệ Hôn nhân: Anh Nguyễn Văn Đ và chị Đặng Thị Nh kết hôn năm 2010 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Trường S, huyện Lục N, tỉnh B. Đây là hôn nhân hợp pháp.

Theo anh Đ trình bày: Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc. Đến năm 2015 anh và chị Nh cùng nhau đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan, hai vợ chồng cùng nhau làm việc tại Đài Loan được 3 năm thì anh về Việt Nam còn chị Nh vẫn ở lại làm việc. Thời gian đầu khi anh về nước thì vợ chồng vẫn hòa thuận, được một thời gian sau do sống xa cách nhau lâu ngày nên hai vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn về tình cảm lẫn kinh tế. Vợ chồng anh chị đã sống ly thân nhau, không liên lạc gì với nhau và không ai quan tâm tới ai. Nay, anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh B giải quyết cho anh được ly hôn chị Đặng Thị Nh.

Xét yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh Nguyễn Văn Đ với chị Đặng Thị Nh. Hội đồng xét xử thấy: Sau khi kết hôn anh Đ và chị Nh chung sống với nhau hạnh phúc được một thời gian. Đến năm 2015 hai vợ chồng cùng nhau đi lao động xuất khẩu tại Đài Loan được 3 năm thì anh Đ về nước còn chị Nh vẫn ở Đài Loan lao động. Do vợ chồng xa cách nhau lâu ngày nên đã phát sinh mâu thuẫn dẫn đến vợ chồng sống ly thân nhau không ai còn quan tâm đến nhau nữa và đã cắt đứt mọi liên lạc với nhau. Xét thấy tình cảm vợ chồng giữa anh Đ và chị Nh đã mâu thuẫn trầm

trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn Đ. Xử cho anh Nguyễn Văn Đ được ly hôn với chị Đặng Thị Nh.

[4]. Về nuôi con chung: Anh Nguyễn Văn Đ và chị Đặng Thị Nh có 01 con chung là cháu Nguyễn Thị Ngọc H, sinh ngày 30/01/2011. Hiện tại cháu H đang ở cùng với anh Đ. Ly hôn anh Đ đề nghị được nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu chị Nh phải đóng góp phí tổn nuôi con chung.

Xét yêu cầu nuôi con chung của anh Đ, Hội đồng xét xử thấy: Hiện chị Nh đang lao động tại nước ngoài không thể trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Chị Đặng Thị Nh từ khi đi nước ngoài thì cháu H vẫn do anh Đ là người trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc cháu phát triển bình thường về thể chất và tinh thần, được đi học đầy đủ. Mặt khác, cháu H có đơn trình bày muốn ở cùng với bố. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình. Chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Văn Đ về nuôi con chung là cháu Nguyễn Thị Ngọc H. Giao cho anh Đ là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Nguyễn Thị Ngọc H sinh ngày 30/01/2011 đến khi cháu H đủ 18 tuổi là phù hợp điều kiện thực tế và nguyện vọng của con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do anh Đ không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

Chị Đặng Thị Nh có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở chị Nh thực hiện quyền này.

[5]. Về tài sản, công nợ: Anh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6]. Về án phí: Anh Nguyễn Văn Đ phải nộp 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ Luật Tố tụng dân sự; và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh B.

[7]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271; Điều 273 và khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82, 83 và khoản 2 Điều 123 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1 điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273; khoản 2 Điều 479 Bộ Luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ

Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án; xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Nguyễn Văn Đ được ly hôn với chị Đặng Thị Nh.

2. Về con chung: Giao cho anh Nguyễn Văn Đ là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Nguyễn Thị Ngọc H, sinh ngày 30/01/2011 đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Chị Đặng Thị Nh có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở chị Nh thực hiện quyền này.

3. Về án phí: Anh Nguyễn Văn Đ phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số AA/2018/0000850 ngày 04/01/2021 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh B. Xác nhận anh Đ đã nộp đủ.

3. Về quyền kháng cáo bản án: Anh Nguyễn Văn Đ vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được tổng đạt Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định.

Chị Đặng Thị Nh hiện đang ở nước ngoài vắng mặt tại phiên tòa có thời hạn kháng cáo Bản án là 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Án xử công khai sơ thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh B;
- Cục THADS tỉnh B;
- UBND xã Trường S, Lục Nam.
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Hà

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Minh Khánh Trần Thanh Bình

Trần Thị Hà

